**PHỤ LỤC SỐ 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2023/TT-NHNN ngày 31/8/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG TMCPBƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH XỬ LÝ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM PHÒNG GIAO DỊCH BƯU ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

Tháng……năm……..

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu báo cáo** | **Số dư tiền gửi tiết kiệm tại thời điểm Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thoái vốn xuống dưới 5%** | **Số tiền gửi đã chi trả trong kỳ** | **Số tiền gửi đã chi trả lũy kế đến thời điểm báo cáo** | **Số dư tiền gửi tiết kiệm tại thời điểm báo cáo** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| **I.** | **BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM** |  |  |  |  |
| ***1.*** | **Tiền gửi không kỳ hạn** |  |  |  |  |
| ***2.*** | **Tiền gửi có kỳ hạn** |  |  |  |  |
| *2.1* | Thời hạn còn lại dưới 3 tháng |  |  |  |  |
| *2.2* | Thời hạn còn lại từ 3 tháng đến dưới 6 tháng |  |  |  |  |
| *2.3* | Thời hạn còn lại từ 6 tháng đến dưới 12 tháng |  |  |  |  |
| *2.4* | Thời hạn còn lại từ 12 tháng đến dưới 24 tháng |  |  |  |  |
| *2.5* | Thời hạn còn lại từ 24 tháng trở lên |  |  |  |  |
| **II.** | **BẰNG NGOẠI TỆ (quy VND)** |  |  |  |  |
| ***1.*** | **Tiền gửi không kỳ hạn** |  |  |  |  |
| ***2.*** | **Tiền gửi có kỳ hạn** |  |  |  |  |
| *2.1* | Thời hạn còn lại dưới 3 tháng |  |  |  |  |
| *2.2* | Thời hạn còn lại từ 3 tháng đến dưới 6 tháng |  |  |  |  |
| *2.3* | Thời hạn còn lại từ 6 tháng đến dưới 12 tháng |  |  |  |  |
| *2.4* | Thời hạn còn lại từ 12 tháng đến dưới 24 tháng |  |  |  |  |
| *2.5* | Thời hạn còn lại từ 24 tháng trở lên |  |  |  |  |
| **III.** | **Tổng cộng (I+II)** |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày…….tháng……năm….***NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**1. Đối tượng báo cáo:** Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

**2. Thời hạn báo cáo:** Chậm nhất ngày 15 của tháng tiếp theo tháng báo cáo.

**3. Thời gian chốt số liệu:** Tính từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

**4. Hình thức gửi báo cáo:** Báo cáo giấy.

**5. Đơn vị nhận báo cáo:** Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện.

**6. Hướng dẫn lập báo cáo:**

\* Loại tiền tệ phải báo cáo: VND và các ngoại tệ khác quy đổi ra VND.